

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 10 năm 2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn Ch, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Tạ Văn Ch, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Ch, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Tạ Văn Ch ngày 18/8/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã MY, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau ở Thôn Ch, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Tạ Văn Ch.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Tạ Đức Th, sinh ngày 10/9/2010. Con chung và vợ chồng vẫn ở cùng nhà. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu Anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/9/2020 và tại phiên tòa thì bị đơn là anh Tạ Văn Ch trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 2008. Anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã MY, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên ngày 18/8/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn Ch, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác ở bên ngoài, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nếu chị H đồng ý để anh nuôi dưỡng con chung thì anh đồng ý ly hôn. Nếu chị H không giao con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Tạ Đức Th, sinh ngày 10/9/2010. Con chung hiện đang chung sống cùng anh và chị H. Vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề sơn, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, thu nhập không ổn định. Anh không có giấy tờ gì để chứng minh thu nhập của mình.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Tạ Văn Ch.

2. Về con chung: Giao con chung là Tạ Đức Th, sinh ngày 10/9/2010 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng.

Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Trần Thị H xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị H.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị H và anh Tạ Văn Ch kết hôn ngày 18/8/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MY, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn Anh Ch (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

Anh Ch không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì chị H không đồng ý để Anh Ch nuôi dưỡng con chung là không phù hợp.

[2]- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Đức Th, sinh ngày 10/9/2010. Vợ chồng ly hôn cả chị H và Anh Ch đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Cháu Thắng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Cháu Thắng tuổi vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường. Bản thân Anh Ch có thu nhập không ổn định. Do vậy, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ và cần được chấp nhận, cần giao con chung là Tạ Đức Th cho chị H nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3]- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Tạ Văn Ch.
2. Về con chung: Giao con chung là Tạ Đức Th, sinh ngày 10/9/2010 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số

AA/2018/0003850 ngày 15/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã MY, huyện
Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Phạm Thị Chuyền